

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ
QUỸ BÔNG SEN**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
1	2	3	4	5
TÀI SẢN				
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		24,102,933,415	24,583,473,451
I. Tiền và tương đương tiền	110		12,336,019,197	4,183,208
1. Tiền	111	V.1.	12,336,019,197	4,183,208
2. Tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2.	9,301,895,765	11,410,401,937
1. Đầu tư ngắn hạn khác	121		10,301,895,765	13,292,569,305
3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		(1,000,000,000)	(1,882,167,368)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1,612,476,186	4,870,528,983
1. Phải thu khách hàng	131	VII.4.1	49,500,000	1,900,000,000
2. Trả trước cho người bán	132	VII.4.2	912,350,000	615,600,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	V.3	624,510,623	2,345,933,195
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4.	26,115,563	8,995,788
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		852,542,267	8,298,359,323
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VII.4.3	36,794,155	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.5	315,092,582	315,092,582
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	VII.4.4	500,655,530	7,983,266,741
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		1,129,960,870	36,100,640
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1,108,508,222	-
1. Phải thu dài hạn khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		1,108,508,222	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	-	-
- Nguyên giá	222		78,681,200	78,681,200
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(78,681,200)	(78,681,200)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	-	-
- Nguyên giá	228		99,000,000	99,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(99,000,000)	(99,000,000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-

2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
IV. Tài sản dài hạn khác	260		21,452,648	36,100,640
1. Chi phí trả trước	261	V.8	21,452,648	36,100,640
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	263		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		25,232,894,285	24,619,574,091
NGUỒN VỐN				
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		1,086,869,939	636,550,278
I. Nợ ngắn hạn	310		1,055,610,320	605,290,659
1. Vay ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	VII.4.5	1,714,281	13,950,000
3. Người mua trả tiền trước	313	VII.4.6	463,500,000	38,500,000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9.	371,230,401	69,568,957
5. Phải trả người lao động	315		-	101,130,492
6. Chi phí phải trả	316	V.10.	1,681,289	147,023,350
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.11.	54,371,167	113,835,957
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		10,194,294	10,194,294
11. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
12. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328	VII.4.7	152,918,888	111,087,609
II. Nợ dài hạn	330		31,259,619	31,259,619
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
10. Quỹ dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		31,259,619	31,259,619
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		24,146,024,346	23,983,023,813
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		25,000,000,000	25,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(853,975,654)	(1,016,976,187)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		25,232,894,285	24,619,574,091

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Mã số	Cuối năm	Đầu năm
1	2	3	4	5
1. Tài sản cố định thuê ngoài		001	-	-
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ		002	-	-
3. Tài sản nhận ký cược		003	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	V.12.	004	14,183,619,830	14,183,619,830
5. Ngoại tệ các loại		005	-	-
6. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ		006	8,677,840,000	11,467,830,000
6.1. Chứng khoán giao dịch		007	8,677,840,000	11,467,830,000
6.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch		008	-	-
6.3. Chứng khoán cầm cố		009	-	-
6.4. Chứng khoán tạm giữ		010	-	-
6.5. Chứng khoán chờ thanh toán		011	-	-
6.6. Chứng khoán phong tỏa chờ rút		012	-	-
6.7. Chứng khoán chờ giao dịch		013	-	-
6.8. Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay		014	-	-
6.9. Chứng khoán sửa lỗi giao dịch		015	-	-
7. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ		020	-	-
8. Tiền gửi của nhà đầu tư uỷ thác	V.13.	030	1,489,258,515	1,149,505,515
- Tiền gửi của nhà đầu tư uỷ thác trong nước		031	363,360,517	281,857,405
- Tiền gửi của nhà đầu tư uỷ thác nước ngoài		032	1,125,897,998	867,648,110
9. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư uỷ thác	V.14.	040	331,225,115,671	314,682,223,795
9.1. Nhà đầu tư uỷ thác trong nước		041	327,818,916,244	310,910,897,414
9.2. Nhà đầu tư uỷ thác nước ngoài		042	3,406,199,427	3,771,326,381
10. Các khoản phải thu của nhà đầu tư uỷ thác	V.15.	050	48,110,658,567	40,045,741,561
11. Các khoản phải trả của nhà đầu tư uỷ thác	V.16.	051	1,249,974,563	2,535,670,765

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2022

Người lập biểu



Đỗ Quỳnh Trang

Kế toán trưởng



Dư Đức Ninh

Tổng giám đốc



Cao Hoài Thanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2021

Đơn vị tính: Đồng VN

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
A	B	C	1	2
1. Doanh thu	01	VI.1.	5,563,802,369	4,776,639,209
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01- 02)	10		5,563,802,369	4,776,639,209
4. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	11	VI.2.	2,885,731,450	2,345,281,331
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10 - 11)	20		2,678,070,919	2,431,357,878
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3.	302,385,361	2,625,617,994
7. Chi phí tài chính	22	VI.4.	(876,241,408)	2,548,907,256
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.4.8	3,670,467,554	2,191,043,175
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		186,230,134	317,025,441
10. Thu nhập khác	31	VII.4.9	23,400,000	10,000,000
11. Chi phí khác	32	VII.4.10	46,629,601	130,541,308
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(23,229,601)	(120,541,308)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		163,000,533	196,484,133
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.5.	-	-
15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
16. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		163,000,533	196,484,133
17. Lãi trên cổ phiếu	70	VII.4.11	65	79

Người lập biểu

Đỗ Quỳnh Trang

Kế toán trưởng

Dư Đức Ninh

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2022



Cao Hoài Thanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Phương pháp trực tiếp)
 Năm 2021

Đơn vị tính: Đồng VN

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
A	B	1	2
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	13,362,901,564	30,804,775,984
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và cung cấp hàng hoá, dịch vụ	02	(2,161,773,704)	(22,381,678,570)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3,227,671,506)	(1,760,843,998)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5,021,871,496	147,229,598
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(664,331,762)	(7,678,168,857)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	12,330,996,088	(868,685,843)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27	839,901	700,830,269
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	839,901	700,830,269
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, trái phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn cho các CSH, mua lại CP của CTy đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	12,331,835,989	(167,855,574)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4,183,208	172,038,782
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	12,336,019,197	4,183,208

Người lập biểu



Đỗ Quỳnh Trang

Lập, ngày 21 tháng 03 năm 2022

Kế toán trưởng



Dư Đức Ninh

Tổng giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng C54118, C54119 & C54120, tầng 41, tòa nhà C5 D'Capitale, 119 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm		Số dư cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước	Kỳ này		Năm nay	Năm trước
			Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	25,000,000,000	25,000,000,000	-	-	25,000,000,000	25,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	-	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(1,016,976,187)	(1,213,460,320)	163,000,533	196,484,133	(853,975,654)	(1,016,976,187)
Cộng	23,983,023,813	23,786,539,680	163,000,533	196,484,133	24,146,024,346	23,983,023,813

Người lập biểu

Đỗ Quỳnh Trang

Kế toán trưởng

Dư Đức Ninh

Lập, ngày 21 tháng 03 năm 2022

Tổng Giám đốc



Cao Hoài Thanh

Mẫu số B 09 - CTQ

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty CP Quản lý quỹ Bông Sen (gọi tắt là "Công ty"), được thành lập và hoạt động theo Giấy phép số 35/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/03/2009. Trong quá trình hoạt động, Công ty có 06 lần được cấp bổ sung Giấy phép điều chỉnh về những việc: bổ sung nghiệp vụ hoạt động kinh doanh, thay đổi trụ sở văn phòng, thay đổi người đại diện theo pháp luật và thay đổi tên tiếng Anh của Công ty.

Theo Giấy phép số 35/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 10/03/2009 thì vốn điều lệ của Công ty là: **25.000.000.000 VND** (*Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ đồng Việt Nam*).

Theo Giấy phép điều chỉnh số 37/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp bổ sung ngày 06/07/2020 thì Công ty chuyển địa chỉ trụ sở chính về Phòng C54118, C54119 & C54120, tầng 41, tòa nhà C5 D'.Capitale, Số 119 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực quản lý quỹ đầu tư, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm: Quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán; Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán./.

Trụ sở chính của Công ty tại:

Địa chỉ: Phòng C54118, C54119 & C54120, tầng 41, tòa nhà C5 D'.Capitale Số 119 Trần Duy Hưng,
P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội.

4. Tổng số nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 21 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 23 nhân viên).

Số nhân viên có chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ tại ngày kết thúc năm tài chính là 7 nhân viên (số đầu năm là 7 nhân viên).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp, Chế độ kế toán áp dụng cho Công ty Quản lý quỹ theo quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho Công ty Quản lý quỹ theo quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp, Chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty Quản lý quỹ theo quy định tại Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán ASOFT.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

1. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác và các khoản chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Tiền gửi hoạt động của Công ty quản lý quỹ

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

Tiền gửi của người ủy thác đầu tư

Các khoản tiền gửi của người ủy thác đầu tư được theo dõi riêng và trình bày ở tài khoản ngoài bảng Cân đối kế toán.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Khi giá trị thuần của có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư ngắn hạn giảm xuống thấp hơn giá gốc Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư theo quy định tại Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 06/10/2014 của Bộ Tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp giá bình quân.

Đầu tư chứng khoán của người ủy thác đầu tư

Công ty nhận tiền từ người ủy thác đầu tư và thay mặt người ủy thác đầu tư để thực hiện các giao dịch kinh doanh chứng khoán theo các quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư giữa Công ty và người ủy thác đầu tư. Các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư được phản ánh theo giá gốc. Công ty không thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư vì theo quy định của hợp đồng ủy thác đầu tư, người ủy thác đầu tư chịu mọi rủi ro đối với các khoản lỗ phát sinh trong quá trình đầu tư mà nguyên nhân không phải do Công ty vi phạm các điều khoản quy định trong hợp đồng. Công ty ghi nhận vào tài khoản ngoài bảng các khoản mục tiêu liên quan đến hoạt động nhận ủy thác đầu tư.

4. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu các hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác. Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu. Các khoản phải thu không ghi cao hơn giá trị phải thu hồi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại, phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán.
- Phải thu hoạt động nghiệp vụ phát sinh từ các dịch vụ mà Công ty cung cấp cho nhà đầu tư.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến các giao dịch mua - bán.

Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn của các khoản phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do chủ nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp trích khấu hao TSCĐ

5.1. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Quản lý quỹ, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty gồm:

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao <năm>

- Thiết bị dụng cụ quản lý

03

5.2. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/09/2011 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Quản lý quỹ, Thông tư 45/2013/TT - BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm.

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 05 năm.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước là chi phí gia hạn chữ ký số FPT 3 năm và công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ, được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

7. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả là khoản trích trước chi phí quản lý tòa nhà, tiền xăng xe, tiền điện, tiền điện thoại, bảo trì máy tính, bảo trì thang máy và các chi phí phải trả khác.

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được tính toán một cách chặt chẽ và có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong năm, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

9. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản nhận trước phí quản lý đầu tư do khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán, được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng và số tiền khách hàng đã trả. Việc phân bổ từng tháng căn cứ vào số phí quản lý đầu tư được xác định dựa trên quy định của hợp đồng quản lý đầu tư.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lỗ từ hoạt động kinh doanh của Công ty.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của Công ty là doanh thu từ phí quản lý danh mục đầu tư, cổ tức và lợi nhuận được chia và doanh thu từ lãi tiền gửi ngân hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tặng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí dự phòng/hoàn nhập giảm giá đầu tư chứng khoán và chi phí tài chính khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**Các nghĩa vụ về thuế****Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Bảng cân đối kế toán**1. Tiền**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	11.734.593.241	2.708.661
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	601.425.956	1.474.547
Cộng	12.336.019.197	4.183.208

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng C54118, C54119 & C54120, tầng 41, tòa nhà C5 D'.Capitale,
Số 119 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2021

Mẫu số B09 - CTQ**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. Phải thu hoạt động nghiệp vụ

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty CP Sản xuất kinh doanh dược và Trang thiết bị y tế Việt Mỹ	-	414,838,043
Công ty CP Sản xuất kinh doanh dược và Trang thiết bị y tế Phú Thọ	254,865,102	299,841,297
Công ty CP Trung tâm xét nghiệm và Môi trường Cần Thơ	-	374,781,309
Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Mỹ	4,876	4,876
Nguyễn Thị Mỹ Phúc	-	819,464,690
Công ty CP Sara Việt Nam	182,680,537	214,918,279
Công ty CP Đầu tư phát triển y học Nha Trang	106,506,866	124,953,773
Các đối tượng khác	80,453,242	97,130,928
Cộng	624,510,623	2,345,933,195

4. Các khoản phải thu khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
<i>Phải thu khác</i>	<i>26,115,563</i>	<i>8,995,788</i>
Dư nợ TK 3389	140,000	-
Phải thu khác	25,975,563	8,995,788
b) Dài hạn		
<i>Cầm cố ký quỹ, ký cược</i>	<i>1,108,508,222</i>	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ ATS Risewin Việt Nam	1,108,208,222	-
Công ty TNHH Đại Việt	300,000	-
Cộng	1,134,623,785	8,995,788

5. Thuế và các khoản phải thu nhà nước

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	315,092,582	315,092,582
Cộng	315,092,582	315,092,582

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng C54118, C54119 & C54120, tầng 41, tòa nhà C5 D'.Capitale,
Số 119 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2021

Mẫu số B09 - CTQ**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2021	78,681,200	78,681,200
Số dư ngày 31/12/2021	78,681,200	78,681,200
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2021	78,681,200	78,681,200
Số dư ngày 31/12/2021	78,681,200	78,681,200
Giá trị còn lại		
Số dư ngày 01/01/2021	-	-
Số dư ngày 31/12/2021	-	-

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 78681200.00 đồng.

7. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Phần mềm kế toán	Cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2021	99,000,000	99,000,000
Số dư ngày 31/12/2021	99,000,000	99,000,000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2021	99,000,000	99,000,000
Số dư ngày 31/12/2021	99,000,000	99,000,000
Giá trị còn lại		
Số dư ngày 01/01/2021	-	-
Số dư ngày 31/12/2021	-	-

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 99000000.00 đồng.

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SENĐịa chỉ: Phòng C54118, C54119 & C54120, tầng 41, tòa nhà C5 D'.Capitale,
Số 119 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2021**Mẫu số B09 - CTQ****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***8. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Chi phí chữ ký số FPT	1,938,000	2,907,000
Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	19,514,648	33,193,640
Cộng	21,452,648	36,100,640

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Thuế Thu nhập cá nhân	371,230,401	69,568,957
Cộng	371,230,401	69,568,957

10. Chi phí phải trả

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ ATS Risewin Việt Nam	41,289	120,732,091
Chi phí khác	1,640,000	26,291,259
Cộng	1,681,289	147,023,350

11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	54,371,167	47,819,167
Bảo hiểm xã hội	-	52,020,000
Bảo hiểm y tế	-	9,180,000
Bảo hiểm thất nghiệp	-	4,816,790
Cộng	54,371,167	113,835,957

12. Nợ khó đòi đã xử lý

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng C54118, C54119 & C54120, tầng 41, tòa nhà C5 D'.Capitale,
Số 119 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2021

Mẫu số B09 - CTQ**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Khoản đặt cọc môi giới mua trái phiếu với Công ty CP Chứng khoán Golden Bridge Việt Nam với số tiền là 14.183.619.830 đồng, đã được Công ty xóa sổ kế toán theo Quyết định số 01/17/QĐ-HĐQT ngày 30/06/2017 của Hội đồng quản trị do không có khả năng thu hồi. Khoản nợ được Công ty theo dõi ngoài bảng và vẫn tiếp tục nỗ lực để thu hồi công nợ.

13. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Số dư đầu năm	1,149,505,515	1,268,815,326
Số tăng trong năm	475,676,107,386	309,127,214,114
Số giảm trong năm	(475,336,354,386)	(309,246,523,925)
Số dư cuối năm	1,489,258,515	1,149,505,515

14. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Nhà đầu tư ủy thác trong nước	13,897,774	327,818,916,244	30,799,573	310,910,897,414
<i>Cổ phiếu niêm yết</i>	<i>795,857</i>	<i>5,118,916,244</i>	<i>899,573</i>	<i>11,910,897,414</i>
Cổ phiếu niêm yết bị giảm giá	3,986	375,069,327	45,099	2,705,484,585
<i>PNJ</i>	<i>1,886</i>	<i>183,780,327</i>	<i>15,340</i>	<i>1,368,288,195</i>
<i>RAL</i>	<i>700</i>	<i>94,689,000</i>	-	-
<i>VPB</i>	-	-	<i>16,327</i>	<i>655,823,193</i>
<i>CVN</i>	-	-	<i>5,800</i>	<i>69,600,000</i>
<i>HAH</i>	<i>1,400</i>	<i>96,600,000</i>	-	-
<i>Các cổ phiếu khác</i>	<i>-</i>	<i>-</i>	<i>7,632</i>	<i>611,773,197</i>
Cổ phiếu niêm yết khác	791,871	4,743,846,917	854,474	9,205,412,829
<i>Cổ phiếu không niêm yết</i>	<i>13,100,000</i>	<i>131,000,000,000</i>	<i>29,900,000</i>	<i>299,000,000,000</i>
Công ty CP Sara Vũng Tàu	2,500,000	25,000,000,000	2,500,000	25,000,000,000
Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Sara	-	-	8,500,000	85,000,000,000

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng C54118, C54119 & C54120, tầng 41, tòa nhà C5 D'.Capitale,
Số 119 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2021

Mẫu số B09 - CTQ**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty CP Đầu tư LOU	-	-	8,300,000	83,000,000,000
Công ty CP Kanpeki Nhật Bản	6,000,000	60,000,000,000	6,000,000	60,000,000,000
Công ty CP Đầu tư Hạ tầng Đông Sơn	4,600,000	46,000,000,000	4,600,000	46,000,000,000
Trái phiếu không niêm yết	1,917	191,700,000,000	-	-
Công ty CP Capella Quảng Nam	577	57,700,000,000	-	-
Công ty CP Đầu tư Bệnh viện Việt Mỹ	1,340	134,000,000,000	-	-
Nhà đầu tư ủy thác nước ngoài	213,657	3,406,199,427	204,942	3,771,326,381
Cổ phiếu niêm yết	211,157	3,356,199,427	202,442	3,721,326,381
Cổ phiếu niêm yết bị giảm giá	2,150	239,141,748	13,351	560,524,732
NCT	2,150	239,141,748	2,150	239,141,748
Các cổ phiếu khác	-	-	11,201	321,382,984
Cổ phiếu niêm yết khác	209,007	3,117,057,679	189,091	3,160,801,649
Cổ phiếu không niêm yết	2,500	50,000,000	2,500	50,000,000
Công ty CP Chứng khoán Quốc tế Việt Nam	2,500	50,000,000	2,500	50,000,000
Cộng	14,111,431	331,225,115,671	31,004,515	314,682,223,795

15. Các khoản phải thu của Nhà đầu tư ủy thác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu tiền đã bán cổ phiếu	2,000	40,000,000,000
Phí quản lý	78,293,306	41,448,858
Phải thu lãi dự thu trái phiếu	8,007,159,661	-
Phải thu tiền cổ tức	25,203,600	3,036,000
Phải thu khác	40,000,000,000	1,256,703

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng C54118, C54119 & C54120, tầng 41, tòa nhà C5 D'.Capitale,
Số 119 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2021

Mẫu số B09 - CTQ**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Cộng	48,110,658,567	40,045,741,561
16. Các khoản phải trả của Nhà đầu tư ủy thác	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải trả tiền thuế	51,035,141	25,867,975
Phải trả phí Quản lý	856,566,384	1,513,849,696
Phải trả phí thưởng	-	819,464,690
Phải trả phí lưu ký cố định, phải trả cho VSD	338,924,176	176,450,501
Phải trả khác	3,448,862	37,903
Cộng	1,249,974,563	2,535,670,765
VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		
1. Tổng doanh thu hoạt động nghiệp vụ	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu		
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu từ phí quản lý	496,576,414	1,730,906,028
Doanh thu từ phí thưởng	1,894,975,955	1,145,733,181
Doanh thu cung cấp dịch vụ	144,750,000	1,900,000,000
Doanh thu khác	3,027,500,000	-
Cộng	5,563,802,369	4,776,639,209
2. Chi phí hoạt động kinh doanh, giá vốn hàng bán	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2,802,908,954	1,792,400,809
Chi phí bằng tiền khác	82,822,496	552,880,522
Cộng	2,885,731,450	2,345,281,331
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	839,901	813,269
Lãi đầu tư tài chính	301,526,460	2,624,787,725

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng C54118, C54119 & C54120, tầng 41, tòa nhà C5 D'.Capitale,
Số 119 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2021

Mẫu số B09 - CTQ**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Cổ tức, lợi nhuận được chia	19,000	17,000
Cộng	302,385,361	2,625,617,994

4. Chi phí tài chính

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	3,591,767,247
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(882,167,368)	(1,096,542,632)
Chi phí tài chính khác	5,925,960	53,682,641
Cộng	(876,241,408)	2,548,907,256

5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	163,000,533	196,484,133
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng/giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	67,729,601	198,471,308
Lỗ được chuyển và bù trừ lãi lỗ các hoạt động	(230,730,134)	(394,955,441)
Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

VII. Những thông tin khác**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2. Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: Các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng C54118, C54119 & C54120, tầng 41, tòa nhà C5 D'.Capitale,
Số 119 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2021

Mẫu số B09 - CTQ**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Danh sách các bên liên quan:**Bên liên quan****Mối quan hệ**

Ông Nguyễn Hải Dương

Chủ tịch HĐQT

Ông Cao Hoài Thanh

Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tạm ứng		
Ông Nguyễn Hải Dương	55,697,346	-
Ông Cao Hoài Thanh	102,496,650	6,796,760,519

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lương thưởng, phụ cấp các thành viên chủ chốt	1,273,243,923	888,787,192
Cộng	1,273,243,923	888,787,192

3. Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

Công nợ tài chính

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	12,336,019,197	4,183,208

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng C54118, C54119 & C54120, tầng 41, tòa nhà C5 D'.Capitale,
Số 119 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2021

Mẫu số B09 - CTQ**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Vốn chủ sở hữu 24,146,024,346 23,983,023,813

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.1.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	12,336,019,197	4,183,208
Các khoản đầu tư tài chính	9,301,895,765	11,410,401,937
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác	700,126,186	4,254,928,983
Cộng	22,338,041,148	15,669,514,128

Công nợ tài chính

Phải trả người bán và phải trả khác	56,085,448	127,785,957
Chi phí phải trả	1,681,289	147,023,350
Cộng	57,766,737	274,809,307

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng C54118, C54119 & C54120, tầng 41, tòa nhà C5 D'.Capitale,
Số 119 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2021

Mẫu số B09 - CTQ**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2021	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	56,085,448	-	56,085,448
Chi phí phải trả	1,681,289	-	1,681,289
01/01/2021	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	127,785,957	-	127,785,957
Chi phí phải trả	147,023,350	-	147,023,350

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SENĐịa chỉ: Phòng C54118, C54119 & C54120, tầng 41, tòa nhà C5 D'.Capitale,
Số 119 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2021**Mẫu số B09 - CTQ****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)*

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2021	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	12,336,019,197	-	12,336,019,197
Các khoản đầu tư tài chính	9,301,895,765	-	9,301,895,765
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác	700,126,186	-	700,126,186
01/01/2021	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	4,183,208	-	4,183,208
Các khoản đầu tư tài chính	11,410,401,937	-	11,410,401,937
Phải thu khách hàng, phải thu hoạt động nghiệp vụ và phải thu khác	4,254,928,983	-	4,254,928,983

4. Những thông tin khác**4.1 Phải thu của khách hàng**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty CP Petro Times	49,500,000	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ ATS Risewin Việt Nam	-	1,900,000,000
Cộng	49,500,000	1,900,000,000

4.2 Trả trước cho người bán

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Công ty TNHH Nhà đẹp Châu Á	565,000,000	565,000,000
Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam	25,000,000	27,500,000
Công ty TNHH Xây dựng & Phát triển thương hiệu Việt Nam	23,100,000	23,100,000
Ông Hoàng Đình Kế	299,250,000	-
Cộng	912,350,000	615,600,000

4.3 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
--	---------------------------	---------------------------

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng C54118, C54119 & C54120, tầng 41, tòa nhà C5 D'.Capitale,
Số 119 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2021

Mẫu số B09 - CTQ**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

Chi phí internet	546,855	-
Chi phí bảo trì phần mềm	6,357,000	-
Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	29,890,300	-
Cộng	36,794,155	-

4.4 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tạm ứng	500,655,530	6,874,758,519
Ông Cao Hoài Thanh	102,496,650	6,796,760,519
Ông Nguyễn Hải Dương	55,697,346	-
Bà Nguyễn Thị Huyền Trang	59,213,534	-
Bà Tống Thị Huệ	202,850,000	-
Các khoản tạm ứng khác	80,398,000	77,998,000
Cầm cổ ký quỹ, ký cược	-	1,108,508,222
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ ATS Risewin Việt Nam	-	1,108,208,222
Công ty TNHH Đại Việt	-	300,000
Cộng	500,655,530	7,983,266,741

4.5 Phải trả người bán

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty CP Thương mại bưu chính và Chuyển phát nhanh Việt	1,714,281	-
Công ty TNHH Du lịch và Thương mại Phúc Nguyên	-	13,950,000
Cộng	1,714,281	13,950,000

4.6 Người mua trả tiền trước

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Công ty CP Xây dựng sản xuất và Thương mại Đại Sản	38,500,000	38,500,000
Công ty CP Chứng khoán ALPHA	75,000,000	-
Công ty CP Tập đoàn MEEYLAND	350,000,000	-
Cộng	463,500,000	38,500,000

4.7 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	31/12/2021	01/01/2021
--	------------	------------

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng C54118, C54119 & C54120, tầng 41, tòa nhà C5 D'.Capitale,
Số 119 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2021

Mẫu số B09 - CTQ**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

	VND	VND
Phí quản lý đầu tư	152,918,888	111,087,609
Cộng	152,918,888	111,087,609
4.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	2,066,754,549	1,027,230,135
Chi phí vật liệu, công cụ dụng cụ	-	4,907,833
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	19,632,601	91,783,600
Thuế, phí và lệ phí	3,000,000	3,000,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,306,962,020	925,807,474
Chi phí khác bằng tiền	274,118,384	138,314,133
Cộng	3,670,467,554	2,191,043,175
4.9 Thu nhập khác		
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Phí rút vốn trước hạn của khách hàng	23,400,000	10,000,000
Cộng	23,400,000	10,000,000
4.10 Chi phí khác		
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Các chi phí phạt hành chính và chi phí khác	46,629,601	130,541,308
Cộng	46,629,601	130,541,308
4.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	163,000,533	196,484,133
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Địa chỉ: Phòng C54118, C54119 & C54120, tầng 41, tòa nhà C5 D'.Capitale,
Số 119 Trần Duy Hưng, P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31/12/2021

Mẫu số B09 - CTQ**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
+ Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	163,000,533	196,484,133
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2,500,000	2,500,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	65.20	78.59

5. Thông tin so sánh

Là số liệu lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 do Công ty lập, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CP QUẢN LÝ QUỸ BÔNG SEN

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Đỗ Quỳnh Trang



Dư Đức Ninh



Cao Hoài Thanh